TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **11**/2019/ KDTM-ST.
Ngày 30/8 /2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ toạ phiên toà: Bà Cao Thị Nghệ
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Đào
2. Ông Đặng Thế Quế

***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Sầm Thị Thanh Sương – Thư ký, Toà án nhân dân huyện Quỳ hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST - KDTM, ngày 29 tháng 3 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/ 2019/QĐXX – ST, ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số 35V, quận K, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền: Ông Đặng Văn T – Giám đốc chi nhánh Q, ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Khối Tân P, phường H, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đăng H, Giám đốc phòng giao dịch H -Chi nhánh Q, ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Tầng 1, khách sạn H, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Có mặt).

2. Bị đơn: - Bà Vi Thị L, (tên gọi khác: Vi Thị Ng), sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm T, xã L, huyện Q, tỉnh Nghệ An.(Vắng mặt).

- Ông Vi Văn Ngh, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Xóm T, xã L, huyện Q, tỉnh Nghệ An.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Vi Văn T, sinh năm 1997; chị Vi Thị H, sinh năm 1999; Cháu Vi Văn V, sinh ngày 23/02/2002.

Người đại diện hợp pháp của cháu Vi Văn V: Ông Vi Văn Ngh, sinh năm 1978 (là bố đẻ của cháu V).

Đều cùng địa chỉ: Xóm T, xã L, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau: Vào ngày 25/8/2017, Ngân hàng Đ- Phòng giao dịch H, ký hợp đồng tín dụng cho bà Vi Thị L vay số tiền 99.000.000,đ, thời hạn vay 11 tháng. Theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/10139093/HĐTD. Mục đích vay mua bán kinh doanh hàng tạp hóa. Lãi suất trong hạn 8,5%/năm (được áp dụng đến ½ thời gian vay vốn ban đầu) và sau đó được điều chỉnh 3 tháng /lần theo thông báo lãi suất của ngân hàng. Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn (Lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).

Để đảm bảo cho khoản vay này thì giữa ngân hàng Đ-Phòng giao dịch H và bà Vi Thị L đã ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10139093/HĐBĐ ngày 25/8/2017 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 46, diện tích 2091m2, địa chỉ thửa đất tại: Xóm T, xã L, huyện Q, tỉnh Nghệ An, đã được Ủy ban nhân huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX741047 ngày 13/10/2016 mang tên Vi Văn Ngh và bà Vi Thị Ng (được đính chính tên là Vi Thị L). Sau khi vay được số tiền trên do bà Vi Thị L kinh doanh không có hiệu quả nên không trả nợ cho Ngân hàng, chỉ trả được 11.000.000,đ tiền gốc. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì bà L trả tiếp 7.000.000,đ (trả vào ngày 24/7/2019). Do khoản nợ của bà Vi Thị L đã quá hạn mà bà L không chịu thanh toán hết khoản nợ vay cho Ngân hàng. Ngân hàng đã đôn đốc bà L trả nợ và yêu cầu bàn giao tài sản thế chấp để xử lý nhưng bà Liên không chịu trả nợ và cũng không bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng. Do yêu cầu bà Liên trả nợ nhiều lần nhưng bà L cố tình chây ì không trả nợ. Do đó, Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vi Thị L và ông Vi Văn Ngh phải thanh toán cho Ngân hàng gồm: Tiền nợ gốc 81.000.000,đ; Tiền lãi tính đến ngày 30/8/2019 là 14.045.343đ (bao gồm: lãi trong hạn là 9.317.260,đ, lãi quá hạn là 4.728.083,đ).Trường hợp bà Vi Thị L và ông Vi Văn Ngh không trả hết khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Đ yêu cầu xử lý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Vi Thị L: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải nhưng bà L cố tình vắng

mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải đối với bà Vi Thị L được.

Bị đơn ông Vi Văn Ngh trình bày: Ông là chồng của bà Vi Thị L (gọi tên theo chồng là Vi Thị Ng) vào năm 2017, bà Vi Thị L có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 99.000.000,đ, thời hạn vay là 11 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay này thì ông và bà L đã ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp bất động sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 46, diện tích 2091m2 tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX741047 do UBND huyện Q cấp ngày 13/10/2016. Sau khi vay, gia đình đã trả được 11.000.000,đ, số tiền nợ gốc còn lại 88.000.000,đ. Do kinh doanh không được, mặt khác do con gái bị tai nạn nên chưa có điều kiện để trả nợ cho Ngân hàng. Hiện nay Ngân hàng khởi kiện, ông đồng ý trả khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, còn việc Ngân hàng yêu cầu xử lý bán tài sản thế chấp ông không đồng ý, ông xin hứa trả nợ dần.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Vi Văn T, chị Vi Thị H và cháu Vi Văn V, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải nhưng anh Vi Văn T, chị Vi Thị H và cháu Vi Văn V cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải đối với anh T, chị H và cháu V được.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp tại phiên tòa: Về việc giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; quá trình hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các giấy triệu tập của Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 295, 299, 303, 317, 318, 320, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 30, 35, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bà Vi Thị L và ông Vi Văn Ngh phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc là 81.000.000,đ và tiền lãi tính đến hết ngày 30/8/2019 là: 14.045.343. Tổng cả tiền nợ gốc và tiền lãi là 95.045.343,đ.

Về án phí: Bà Vi Thị L và ông Vi Văn Ngh phải chịu án phí KDTMST; Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào lời khai các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu bà Vi Thị L và ông Vi Văn Ngh phải thanh toán số tiền nợ gốc là 81.000.000,đ và yêu cầu trả lãi tính đến ngày 30/8/2019 là: 14.045.343,đ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Vi Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Theo ông Vi Văn Ngh (là chồng của bà Vi Thị L) thì hiện nay bà L đang sinh sống tại địa phương nhưng đi làm ăn, tất cả các giấy triệu tập của Tòa án ông đều nhận và thông báo cho bà L biết, nhưng bà L không đến Tòa để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà L theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Vi Văn T, chị Vi Thị H và cháu Vi Văn V, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải nhưng anh Vi Văn T, chị Vi Thị H và cháu Vi Văn V cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải đối với anh T, chị H và cháu V được. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh T, chị H và cháu V theo quy định tai điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Vi Thị L và ông Vi Văn Ngh phải thanh toán số tiền nợ gốc là 81.000.000,đ và tiền lãi tính đến ngày 30/08/2019 thấy:

Ngày 25/8/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và bà Vi Thị L ký hợp đồng tín dụng số 01/2017/10139093 ngày 25/8/2017, Ngân hàng cho bà Vi Thị L vay số tiền 99.000.000,đ, thời hạn vay là 11 tháng.

Ngày 25/8/2017 bà Vi Thị L, ông Vi Văn Ngh và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10139093/HĐBĐ.

Biên bản làm việc đề ngày 29/10/2018 và biên bản làm việc đề ngày 30/11/2018 bà Vi Thị L đã xác nhận khoản nợ vay với Ngân hàng.

Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và biên bản làm việc giữa Ngân hàng và bà Vi Thị L, ông Vi Văn Ngh đều ký tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Sau khi vay tiền thì bà Liên và ông Ngh mới trả được 18.000.000,đ tiền nợ gốc, số tiền nợ gốc còn lại là 81.000.000,đ, số nợ này đến nay đã quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phan Đ yêu cầu bà Vi Thị L và ông Vi Văn Ngh

phải trả nợ gốc 81.000.000,đ là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phàn Đ về việc buộc bị đơn trả khoản tiền lãi tính đến ngày 30/8/2019 là 14.045.343 (Trong đó, lãi trong hạn là 9.317.260,đ, lãi quá hạn là: 4.728.083,đ). Xét mức lãi suất trong hạn và quá hạn mà các bên đã thỏa thuận quy định tại điều 4 hợp đồng tín dụng số 01/2017/10139093/HĐTD ngày 25/8/2017 là phù hợp với lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng nên có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo của khoản vay thấy rằng:

Theo quy định tại điều 9 hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10139093 ngày 25/8/2017 đã được văn phòng công chứng Q xác lập số 1603 quyển số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD thì hai bên đã ký kết thỏa thuận về phương thức xử lý tài sản thế chấp. Sự thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng thế chấp đúng quy định của pháp luật. Như vậy, trường hợp bà Vi Thị L và ông Vi Văn Ngh không thanh toán được số nợ trên sẽ được kê biên phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 2091m^2 và tài sản gắn liền với đất gồm: nhà cửa, hoa màu, cây cối, kiến trúc khác, tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 46, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX741047 do UBND huyện Q cấp ngày 13/10/2016 để xử lý phát mại tài sản là có căn cứ. Cần áp dụng các điều 295, 299, 303, 317, 318, 320,323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Các điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà L và ông Ngh phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Các Điều 295, 299, 303, 317, 318, 320, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc bà Vi Thị L và ông Vi Văn Ngh phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền gốc là 81.000.000,đ và tiền lãi (tính đến ngày 30/8/2019 là: 14.045.343,đ). Tổng cả tiền gốc và tiền lãi là: 95.045.343,đ. (Chín mươi lăm triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn ba đồng) theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/1039093/HĐTD ngày 25/8/2017.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (30/8/2019) bà Vi Thị L và ông Vi Văn Ngh phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 01/2017/1039093/HĐTD ngày 25/8/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2] Trường hợp bà Vi Thị L và ông Vi Văn Ngh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ của bà Vi Thị L và ông Vi Văn Ngh gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 2091m^2 và tài sản gắn liền với đất (nhà cửa, hoa màu, cây cối, kiến trúc khác). Tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 46, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX741047 do UBND huyện Q cấp ngày 13/10/2016. Địa chỉ thửa đất: Tại Xóm T, xã L, huyện Q, tỉnh Nghệ An, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10139093 ngày 25/8/2017.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp thì tất cả những người đang sinh sống tại đất, nhà nêu trên phải chuyển chỗ ở để bàn giao tài sản cho Cơ quan thi hành án thực hiện việc kê biên, phát mại.

Khi phát mại tài sản nhưng không thu đủ khoản nợ gốc và lãi thì bà Vi Thị L và ông Vi Văn Ngh phải tiếp tục trả đủ số tiền nợ còn thiếu cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

[3] Về án phí: Bà Vi Thị L và ông Vi Văn Ngh phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 4.752.267,đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn hai trăm sáu bảy đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.800,đ (Hai triệu năm trăm nghìn tám trăm đồng), theo biên lai số 0007292 ngày 29/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày

kể từ ngày tuyên án. Bên vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳ Hợp;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Cao Thị Nghệ